



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 19.11.1.../2024/BBLM

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00, ngày 19 tháng 11 năm 2024.

Tại: Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng

Địa chỉ: xã Hoàng Động và xã Kiến Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Địa điểm quan trắc: Công ty cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng, xã Hoàng Động và xã Kiến Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Công ty cổ phần Thép Việt Ý Hải Phòng

Ông (Bà): Chu Thanh Luận

Chức vụ: NV

Ông (Bà):

Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Đào Minh Vượng

Chức vụ: NV

Ông (Bà):

Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty CP đầu tư CM

Ông (Bà): Đỗ Trung Đại

Chức vụ: NV

Ông (Bà):

Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà):

Chức vụ:

Ông (Bà):

Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà):

Chức vụ:

Ông (Bà):

Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Không có Trời không mưa

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Không hoạt động

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT2 - VY	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải	X = 2313062.152 (m) Y = 591395.246 (m)
2.		Sinh hoạt	
3.	NT3 - VY	Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường	X = 2313075.559 (m) Y = 591448.750 (m)
4.		Tiếp nhận kênh Kiên Bính Tây	
5.	NT - VY	Nước thải tại hố ga cuối của hệ thống	X = 2312032 (m) Y = 595909 (m)
6.		thoát nước mưa gần khu vực thi công	
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

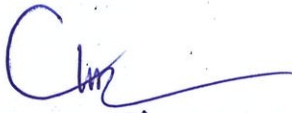
Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

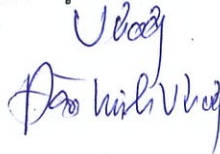
Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.
Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Chu Thanh Luân

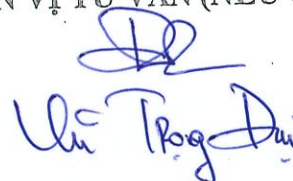
ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU


Đào Minh Vượng

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)


Vũ Trọng Đại

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2849 - 7007 /KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.241119.02
Ngày lấy mẫu : 19/11/2024

Thời gian phân tích: 19/11/2024 – 28/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột B)
				NT2-VY	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	25,3	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,26	5-9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	526	1.000
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	16	-
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	50
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	30	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	46	100
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,14	10
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,9	-
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,35	-
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	1,76	50
12.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,21	10
13.	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530.C:2017	KPH (MDL=0,002)	-
14.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	4,0
15.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	20
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	-
17.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	10
18.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.600	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT2-VY	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	2313062.152	0591395.246

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghi ngờ chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
CEC.BM 7.8.03



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, cột B với hệ số $K=1$.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2950 - 7007 / KQPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.241119.03
Ngày lấy mẫu : 19/11/2024

Thời gian phân tích: 19/11/2024 – 28/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột B)
				NT3-VY	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	25,1	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,35	5-9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	428	1.000
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	<16 ^a	-
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16	50
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	35	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	25	100
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,25	10
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,6	-
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,37	-
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	2,33	50
12.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,25	10
13.	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530.C:2017	KPH (MDL=0,002)	-
14.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	4,0
15.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	20
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,1	-
17.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	10
18.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	3.200	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT3-VY	Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kiền Bái Tây	2313075.559	0591448.750

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1

- **Quy chuẩn so sánh:**

+ **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt K=1.

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, cột B với hệ số K=1

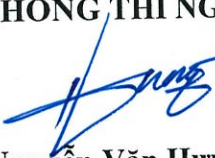
- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM


Nguyễn Văn Hưng

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2848 - 7007 /KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.241119.01
Ngày lấy mẫu : 19/11/2024 Thời gian phân tích: 19/11/2024 – 28/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
				NT-VY	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,81	5,5 - 9
2.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	30	50
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	32	100
4.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,3	10
5.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	4.100	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-VY	Nước thải tại hố ga cuối của hệ thống thoát nước mưa gần khu vực thi công	2312032	0595909

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;
Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

SƠ ĐỒ LẤY MẪU



Ghi chú:

Ngày lấy mẫu: 19/11/2024

Điều kiện thời tiết: Trời không mưa, có gió nhẹ

Vị trí lấy mẫu:

NT2: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

NT3: Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kênh Bái Tây

NT: Nước thải tại hố ga cuối của hệ thống thoát nước mưa gần khu vực thi công

Содержание

Введение к 1-му изданию

Содержание 1-го издания

Содержание

Введение к 2-му изданию

Содержание 2-го издания

Содержание 3-го издания

Содержание

Содержание